

Thiền Sư Thích Thanh Từ



Thiền Tịch Phú

Giảng giải



Mục Lục

Phần Chánh Văn.....	3
Phần Giảng Giải.....	8
KẾT THÚC.....	24

Phần Chánh Văn

Vui thay tu đạo Thích!

Vui thay tu đạo Thích!

Lộ phải thành đô,

Nào nề tuyên thạch.

Dù ngồi nơi cảnh trí danh lam,

Hoặc ở chốn chùa chiền cổ tích.

Đâu cũng dòng phước đức trang nghiêm,

Đây cũng vốn tu công thiền tịch.

Trước án tiền đẳng kinh ba bức,

tố khảm mã não xa cừ;

Trên thượng điện thánh tượng mấy tòa,

vẽ vàng san hô hổ phách.

Thần bát bộ Kim Cương đứng chấp,

trấn phò vua ai thấy chẳng kinh;

Tượng tam thân bảo tượng ngồi bày,

ủng hộ chúa cõi nào dám địch.

Tả A-nan đại sĩ vận sa hoa sắc sở vân vi

Hữu thổ địa long thần mặc áo gấm lỗ lang xóc xếch.

Am thờ Tổ ngồi rập gối dăm,

Nhà trú tăng vách vôi tường gạch.

Mấy bức kẻ chữ triện mặc rời,

Bốn bên nhiều câu lan sóc sách.

Gác rộng thên chuông đưa vài chập,

niệm nam-mô nhẹ tiếng boong boong;

Lầu cao tốt trống dậy mấy hồi,
đọc thần chú khua tang cách cách.
Phướn tràng phan nhuộm vàng khè,
lúc gió đưa phấp phới nhớn nhỡ;
Dù bóng boong dạn đen sì,
khi trập mở nhập nhà thì thích.
Sư quân tử cấy trúc ngô đồng,
Đệ trưởng phu trồng thông tùng bách.
Trăm thức hoa đua nở kê hiện,
Bảy giống báu chất đầy kê ngạch.
Ngào ngạt mùi xạ lan,
Thơm tho hương trầm bạch.
Sãi chứng nay
Mộ đạo tu hành,
Xả đường kinh lịch.
Chí dốc nên Phật tổ siêu thăng,
Lòng nguyện độ chúng sanh trầm nịch.
Đêm đông trường, khi mật niệm,
giống tiếng chuông thánh thót lênh kênh;
Ngày hạ tiết, lúc tụng kinh,
nện dùi mô khoan mau lịch kịch.
Chỉ chuộng một bề đạo đức,
miệng chẳng hiềm ăn đắng ăn cay;
Vốn yêu hai chữ từ bi,
thân nào quản mặc lành mặc rách.

Khi dưa dấm chua lòm,
Bữa canh sông lạt thếch.
Mũ viên số nhuộm mực đen sì,
Quần áo vải nâu sòng cũ rích.
Tham tài ái sắc, chẳng bao màng thói tục kiêu ngoa;
Cầu đạo xả thân, vốn giữ nếp nhà thiền cực kịch.
Túi để đựng kinh chứa sách,
túi nào dùng vóc cải móng rồng;
Dép đi đỡ bụi cách trần,
dép chẳng chuộng da tàu hàm ếch.
Gậy nường chống đi giông dậm tuyết,
gậy chẳng cầu khúc khuỷu cong queo;
Bầu để đựng chứa nước cam lồ,
bầu lọ phải ngòong ngoèu ngốc nghếch.
Quả bồ tre cầm quạt trúc,
nào có hiềm nan cất to đề;
Ngồi chiếu lác tựa giường song,
cũng chẳng quản giát ken thưa thếch.
Chơi rừng Nho len lỏi suối khe,
Dạo bể Thích luôn tuôn ngòi lạch.
Trà bát đức sẵn đà lưu loát,
chẳng phải lo củi nấu kỳ cầm;
Bánh tam thừa vốn đã chứa chan,
nào có nhọc bột đâm thì thạch.
Quả bồ-đề ăn ngọt sớt, muôn kiếp hằng no;

Hoa ưu-bát ngửi thơm tho, ngàn đời chẳng dịch.
Sang Tây phương bệ ngọc đứng chơi,
Về Đông độ tòa vàng ngôi trịch.
Bè từ bị thên thên rộng rãi, mặc sức chở người;
Thuyền Bát-nhã thăm thăm bao la, dầu lòng độ khách.
Sãi chường nay
Khuyên đấng đại thừa,
Bảo loài tiểu chích.
May được gặp minh sư đạo đức, một phen liền biết,
nào hề chi chữ nghĩa tìm đòi;
Phúc lại thấy tri thức bạn lành, mấy chốc mà nên,
lọ là phải văn chương góc ngách.
Thích-ca Phật tổ năng kiến tánh,
ngôi Tuyết sơn khô khảnh gây gò;
Di-lặc Tiên Quang bởi vô tâm,
đi vân thủy đẩy đà phục phịch.
Đức Huệ Năng bát nguyệt thung phường,
Tổ Đạt-ma cứu niên diện bích.
Thần Quang đoạn tý,
lúc còn mê mặt ngó dăm dăm;
Ca-diếp nhãn đồng,
thoát chốc ngộ miệng cười hêch hêch.
Dầu người quyết lòng học đạo,
hỏi cho hay sừng thỏ lông rùa;
Hoặc kẻ dốc chí chân tu,

xem cho biết đầu sò tại ếch.

Khuyên người ở đời đừng bắt chước sự đời,
trước ra không sau lại về không,
nửa luống công nghĩ tiếc khuâng khuâng;
Bảo kẻ có chí phải theo đòi thánh chí,
nhân đà tỏ quả càng thêm tỏ,
rồi đắc ý cười riêng khích khích.

Phần Giảng Giải

Ngài Chân Nguyên có nhiều tác phẩm, nhưng tôi lọc lại những tác phẩm chuyên về Thiền để tất cả tăng ni và Phật tử thấy và hiểu cách nhìn cùng sự tu chứng của ngài về Thiền tông như thế nào. Thiền Tịch Phú là bài phú nói về cái lặng lẽ của Thiền. Bài này là văn Nôm.

Vui thay tu đạo Thích!

Vui thay tu đạo Thích!

Lọ phải thành đô,

Nào nề tuyên thạch.

Dù ngôi nơi cảnh trí danh lam,

Hoặc ở chốn chùa chiền cổ tích.

Đâu cũng dòng phước đức trang nghiêm,

Đây cũng vốn tu công thiền tịch.

Mở đầu ngài nói: *Vui thay tu đạo Thích!* Đạo Thích là đạo Thích-ca, tức là đạo Phật. Tu theo đạo Phật là vui hay mệt? Thường tu theo đạo Phật là vui, nhưng người mới tu thì mệt. Tại sao? Vì mới tu có nhiều điểm rất mệt. Thứ nhất là khi ở thế gian quen ăn mặn, vào chùa bắt ăn chay, thêm mặn mà thắng được cũng là mệt. Thứ hai là ở ngoài đời thì đi lại dạo chơi tự do không bị kìm chế, vào chùa nhất là vào Thiền viện bắt ở một chỗ, tù túng quá cũng là mệt. Thứ ba là không những tù túng lại còn bắt ngày đêm tọa thiền đến sáu tiếng đồng hồ, chân đau tê quá, đó cũng là mệt. Trong khi tu mệt như vậy mà nói vui, hẳn là chưa vui! Như vậy khi nào vui?

Nếu người biết đạo dù ăn chay, dù ở một chỗ, dù tọa thiền sáu tiếng nhưng lúc nào cũng vui. Tại sao? Vì nghĩ rằng đã bao kiếp đuổi theo dục lạc thế gian, phải trầm luân sanh tử, ngày nay được tỉnh giác, ngồi nhìn lại mình, thấy được cội rễ sanh tử lăng xăng, mình không theo, mình làm chủ thì không vui là gì? Đã bao đời trôi lăn

trong luân hồi sanh tử, nay biết dừng lại không trôi lăn nữa, thì những giây phút dừng lại đó là những phút vui vì mình sắp thoát khỏi dòng nước lũ cuốn ra biển. Nếu bị trôi từ đầu nguồn đến gần cuối nguồn, vớ được một khúc cây hay một sợi dây, leo lên bờ đứng nhìn dòng nước cuộn cuộn cuốn trôi bao nhiêu người vật mà mình được đứng lại trên bờ, lúc đó chắc là vui lắm. Trái lại nếu bị cuốn luôn theo dòng hẳn là rất khổ, chới với giữa dòng nước cuốn làm sao vui được! Huống là đứng trên bờ rồi thả bộ về nhà, đến nhà ngồi uống trà, đó mới thật là vui! Hiểu như vậy thì những giờ phút ngồi yên lặng nhìn lại dòng vọng tưởng liên miên, ngày xưa mình lệ thuộc nó, bị nó dẫn chạy hết nơi này đến nơi khác, nay đứng nhìn nó, mỉm cười không chạy theo, lúc đó rất vui vì mình thắng cuộc rõ ràng. Cho nên tu theo đạo Thích vui là vui như vậy, chứ không phải vào chùa được xem ti-vi, được nghe nhạc nhiều nên vui, mà vui là vì mình đã thoát được dòng nước lũ đang cuốn bao nhiêu người. Như vậy người tu theo đạo Thích phải ở đâu?

Lọ phải thành đô, nào nê tuyên thạch. Lọ là lựa, là chọn. Nghĩa là không phải chọn chỗ thành đô, không phải chọn nơi rừng suối núi đá... Người biết tu thì ở thành đô tu cũng tốt, nơi rừng sâu bờ suối tu cũng tốt. Như chúng ta ở đây cũng gần “tuyên”, nhưng không phải tuyên thạch mà là Tuyên Lâm.

Dù ngồi nơi cảnh trí danh lam, hoặc ở chốn chùa chiền cổ tích. Dù cho ngồi tu chốn danh lam thắng cảnh hoặc nơi chùa chiền cổ tích tức là những chùa chiền xưa cũ. *Đâu cũng dòng phước đức trang nghiêm.* Chỗ nào cũng là nơi phước đức trang nghiêm, không phải người ở rừng núi hoặc ngược lại người ở thành đô mới là phước đức trang nghiêm. Người biết tu thì không chọn lựa nơi chốn, dù ở thành đô hay nơi rừng núi, ở đâu cũng là chỗ mình tạo phước, cũng là chỗ được công đức trang nghiêm đầy đủ. *Đây cũng vốn tu công thiên tịch,* chỗ này cũng là chỗ tu công đức thiên định yên tĩnh.

Trước án tiền đẳng kinh ba bức,

tố khảm mã não xa cừ;

*Trên thượng điện thánh tượng mấy tòa,
vẽ vàng san hô hổ phách.*

Trước án tiền đằng kinh ba bức tức là trước bàn thờ Phật thì đằng kinh ba bức. Đằng kinh là kinh Phương đằng, đó là kinh Đại thừa. Trước bàn thờ Phật có ba quyển kinh. *Tổ khảm mã não xa cừ* là những tấm vải khảm mã não xa cừ.

Trên thượng điện thánh tượng mấy tòa tức là trên điện Phật có mấy tòa thánh tượng. *Vẽ vàng san hô hổ phách*, nghĩa là trong đó vẽ những hình ảnh chạm san hô, hổ phách.

*Thần bát bộ Kim Cương đứng chấp,
trấn phò vua ai thấy chẳng kinh.*

Đứng chấp là đứng chấp tay. Bát bộ Kim Cương đứng chấp tay trấn nơi chùa để phò vua, ai thấy cũng kính nể. Thật ra đây là ngài muốn nói cho vui lòng nhà vua thời đó, chứ thần Kim Cương Bát bộ ở chùa không phải phò vua, mà đây là những vị Hộ pháp gìn giữ chánh pháp. Bát bộ là thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già. Đó là tám bộ chúng theo Phật phát nguyện hộ pháp nên gọi là thần Kim Cương bát bộ.

*Tượng tam thân bảo tướng ngồi bày,
ứng hộ chúa cõi nào dám địch.*

Tượng tam thân là tượng pháp thân, báo thân và hóa thân Phật. Ngày nay các chùa thường thờ đức Phật quá khứ là Di-đà, Phật hiện tại là Thích-ca, Phật vị lai là Di-lặc, gọi đó là tam thế Phật. *Ứng hộ chúa*, vì thời vua Lê Hy Tông là thời Lê triều Trịnh chúa, nghĩa là trên có vua nhưng chỉ biểu tượng cho thiên hạ cung kính, chỉ dự những lễ phong chức..., còn dưới là chúa Trịnh điều hành việc trị dân. Đàng Ngoài là chúa Trịnh, Đàng Trong là chúa Nguyễn. Như hiện nay các nước quân chủ lập hiến, vua được tượng trưng, dưới thì thủ tướng điều hành việc trị nước, nên ngài nói các vị Bát bộ phò vua thì

phải nói những tượng Phật hộ chúa, vua chúa đầy đủ. Thành ra khi đọc những chữ này chúng ta thấy rõ thời đại lúc bấy giờ.

Tả A-nan đại sĩ vận sa hoa sắc sở vân vi,

Hữu thổ địa long thân, mặc áo gấm lỗ lang xóc xếch.

Am thờ Tổ ngồi rập gối dăm,

Nhà trú tăng vách vôi tường gạch.

Đây tả hình tượng của ngài A-nan, ngài đứng phía bên trái. Gọi *A-nan đại sĩ* là xem A-nan như Bồ-tát. *Vận sa hoa sắc sở vân vi* là mặc áo hoa, màu sắc rực rỡ. *Vân vi* là trước sau đều giống nhau.

Hữu thổ địa long thân mặc áo gấm lỗ lang xóc xếch, bên phải thì thổ địa long thân mặc áo gấm hoa văn lỗ lang, dáng xóc xếch.

Am thờ Tổ ngồi rập gối dăm. Khi xưa thờ tổ có am riêng chứ không phải như hiện nay chúng ta thờ tổ phía sau điện Phật. Khi qua Trung Quốc tôi cũng thấy như vậy, nghĩa là có những điện thờ chứ không phải am, như điện thờ Lục Tổ, điện thờ Quan Âm v.v... ở quanh chùa chính chứ không thờ chung trong chùa. Ngồi rập là tên ngồi, gối dăm là tên gối. Nhưng tra lại trong báo Đuốc Tuệ số 7 năm 1936, trong phần phiên âm quyển Thiên Phổ, câu này phiên âm là *ngồi lợp gối lim*. Gối dăm là gối xấu, còn gối lim là gối tốt.

Nhà trú tăng vách vôi tường gạch là nhà các vị tăng ở vách bằng vôi, tường bằng gạch.

Mấy bức kẻ chữ triện mặc rời,

Bốn bên nhiều câu lan sóc sách.

Gác rộng thên chuông đưa vài chập,

niệm nam-mô nhẹ tiếng boong boong,

Lầu cao tốt trống dậy mấy hồi,

đọc thần chú khua tang cách cách.

Mấy bức kẻ chữ triện mặc rời là mấy bức tranh hoành kẻ chữ triện mặc rời. Trong Thiên Phổ đề là *mực dồi* tức là mực tô. Chữ mặc

rời không hiểu là sao, thành ra chữ mực dồi dào như hợp lý hơn. *Bốn bên nhiều câu lan sóc sách* là bốn bên đều treo quanh co những câu lan.

Gác rộng thênh chuông đưa vài chập. Trên gác chuông, tiếng chuông đưa vài chập. *Niệm nam-mô nhẹ tiếng boong boong.* Vừa niệm nam-mô vừa đóng boong boong. *Lầu cao tốt trống dậy mấy hồi,* đọc *thần chú khua tang cách cách.* Lầu trống cao ở trên, dậy mấy hồi là đánh trống mấy hồi. Khi đánh trống rồi đọc thần chú khua tang đầu cách cách. Đây là hình ảnh cách thức thuở xưa hô chuông đánh trống.

Phướn tràng phan nhuộm vàng khè,
lúc gió đưa phấp phới nhớn nhơ;
Dù bóng boong dạng đen sì,
khi trập mở nhập nhà thì thích.

Phướn tràng phan nhuộm vàng khè, lúc gió đưa phấp phới nhớn nhơ. Tràng phan nhuộm vàng, gió đưa phấp phới. *Dù bóng boong dạng đen sì, khi trập mở nhập nhà thì thích.* Cây dù, thường chúng ta nói dù lọng, bằng vải xấu nên đen sì. Khi trập mở nhập nhà thì thích là khi giường lên thì gió thổi đập phịch phịch.

Sư quân tử cây trúc ngô đồng,
Đệ trượng phu trồng thông tùng bách.

Ông thầy là hàng quân tử thì trồng cây trúc, cây ngô đồng. Đệ tử là trượng phu trồng cây thông, cây tùng cây bách. Ở đây chúng ta có vẻ trượng phu quá vì trồng tùng bách và thông.

Trăm thức hoa đua nở kể hiện,
Bảy giống báu chất đầy kể ngạch.
Ngào ngạt mùi xạ lan,
Thơm tho hương trầm bạch.

Vào chùa chúng ta thấy hoa nở cạnh bên thiên đường, đó là hoa nở kê hiện. *Bảy giống báu chất đầy kê ngạch* thì chúng ta không biết. *Ngào ngạt mùi xạ lan* tức là mùi xạ mùi lan. *Thơm tho hương trầm bạch*. Tóm lại, đây là ngài diễn tả cảnh trong chùa cổ thuở xưa và người tu không nên chọn lựa vì cảnh nào cũng tốt.

Đến người tu:

Sãi chung nay

Mộ đạo tu hành,

Xả đường kinh lịch.

Chí dốc nên Phật tổ siêu thăng,

Lòng nguyện độ chúng sanh trầm nịch.

Sãi là ngài tự xưng. Chữ sãi và chữ vãi chưa rõ lý do vì sao gọi tăng là sãi và ni là vãi. Ngài tự xưng là sãi là lối xưng hô rất khiêm nhường vì sãi vãi là tiếng nói không được cung kính tôn trọng.

Sãi chung nay là tôi ngày nay. *Mộ đạo tu hành, xả đường kinh lịch* là mộ đạo tu hành bỏ hết những chuyện đi rong chơi nơi này nơi kia.

Chí dốc nên Phật tổ siêu thăng. Chí nguyện thành Phật thành tổ để siêu thăng. *Lòng nguyện độ chúng sanh trầm nịch*, nghĩa là tu để nguyện độ hết chúng sanh đang bị chìm đắm. Trầm nịch là chìm đắm. Ngài diễn tả mục đích của người tu là để thành Phật làm tổ, để siêu thăng, chứ không phải tu mà chỉ lẩn quẩn trong vòng trầm luân sanh tử. Nếu quyết làm Phật làm tổ được rồi thì sẽ cứu độ chúng sanh đang chìm đắm trong bể khổ sông mê.

Đêm đông trường, khi mật niệm,

giống tiếng chuông thánh thót lênh kênh;

Ngày hạ tiết, lúc tụng kinh,

nện dùi mõ khoan mau lịch kịch.

Đây diễn tả lúc tu. *Đêm đông trường, khi một niệm, gióng tiếng chuông thánh thót lênh kênh.* Như đêm khuya mùa đông lạnh, chúng ta sửa soạn tọa thiền, vị hương đăng lên đóng ba hồi chuông thánh thót lênh kênh. *Ngày hạ tiết, lúc tụng kinh, nên dùi mõ khoan mau lịch kịch.* Mùa hè khi tụng kinh, đánh mõ nhịp khoan lịch kịch.

*Chín chuộng một bề đạo đức,
miệng chẳng hiềm ăn đắng ăn cay;
Vốn yêu hai chữ từ bi,
thân nào quản mặc lành mặc rách.*

Chín chuộng một bề đạo đức, chín là chỉ, nghĩa là chỉ chuộng bề đạo đức. Cho nên *miệng chẳng hiềm ăn đắng ăn cay*. Ở chùa dù khó khăn nhọc nhằn, dù ăn uống đạm bạc cũng không màng. Tại sao? Vì lấy đạo đức làm trên, còn cuộc sống đạm bạc không phải là quan trọng.

Vốn yêu hai chữ từ bi. Đã thích mở lòng từ bi độ chúng sanh thì *thân nào quản mặc lành mặc rách*. Mặc lành mặc rách còn không nệ huống là đòi y phục tốt. Xấu mà lành cũng là quý rồi. Vì chúng ta chuộng từ bi thì không nệ mặc lành mặc rách.

*Khi dưa dấm chua lòm,
Bữa canh sông lạt thếch.
Mũ viền sổ nhuộm mực đen sì,
Quần áo vải nâu sòng cũ rách.*

Khi ăn thì *dưa dấm chua lòm*, câu này diễn tả rất hay. *Bữa canh sông lạt thếch*. Thường người ta nói canh lỗng bồng, không có gì trong canh chỉ có nước để chan, nên gọi là canh sông.

Mũ viền sổ nhuộm mực đen sì, quần áo vải nâu sòng cũ rách. Quần áo thì cũ, mũ thì đen sì, đó là dáng của những thầy tu.

Tham tài ái sắc, chẳng bao màng thói tục kiêu ngoa, Cầu đạo xả thân, vốn giữ nếp nhà thiên cục kịch.

Người thế gian thì *tham tài ái sắc*, còn người tu *chẳng bao màng thói tục kiêu ngoa*, không màng tới kẻ thế gian kiêu căng đối trá. *Cầu đạo xả thân*, người cầu đạo là quên thân mình. *Vốn giữ nếp nhà thiên cục kịch*. Cục kịch tức là đáng lù khù quê dốt, cho nên người tu mà ăn mặc sang thì dễ khen hay dễ chê? Dễ thương hay không dễ thương? Như vậy nếu tu mà tỏ ra đáng trưởng giả sang trọng thì chắc không ai thích, cho nên ở đây nói là người quê mùa cục kịch.

Túi để đựng kinh chứa sách,
túi nào dùng vóc cải móng rồng;
Dép đi đỡ bụi cách trần,
dép chẳng chuộng da tàu hàm ếch.

Những lời này nhắc quá kỹ. Túi là túi quấy của chúng ta hiện nay để đựng kinh chứa sách và những vật cần dùng. *Túi nào dùng vóc cải móng rồng*. Vóc cải là hàng màu hoa cải. Nghĩa là không dùng túi màu hoa cải hoặc có vẽ hình móng con rồng cho đẹp. Thế nên chúng ta phải hiểu túi là để đựng kinh chứa sách, chứ không cần có màu vàng hay vẽ rồng v.v...

Dép đi đỡ bụi cách trần. Dép đi để cho chân đỡ dính bụi và cách mặt đất không đạp gai. *Dép chẳng chuộng da tàu hàm ếch*. Hiện nay không có da tàu hàm ếch mà có những dép người đời cho là sang.

Gậy nường chống đi giông dậm tuyết,
gậy chẳng cầu khúc khuỷu cong queo;

Gậy là để chống đi trong khi có tuyết có sương, chứ không phải gậy chạm rồng chạm rắn, vẽ cách này kiểu kia. Thế mà hiện nay gậy có nhiều kiểu quá!

Bầu để đựng chứa nước cam lô,
bầu lọ phải ngòn ngào gốc nghệch.

Hiện nay đi đâu ít ai quấy bầu, thuở xưa đi đâu thì có đem theo bầu nước. Bầu để đựng nước cam lô uống cho tốt, chứ không phải bầu làm cho khéo theo kiểu này kiểu kia.

*Quả bồ tre cầm quạt trúc,
nào có hiểm nan cật to đề;*

Ở miền Tây người ta dùng bồ đề đựng lúa. Thuở xưa bồ đan bằng tre, hình tròn, miệng đáy đều tròn tương tự như cái gùi của dân tộc thiểu số hiện nay. *Nào có hiểm nan cật to đề.* Dầu cho nan chuốt khéo hay thô đều không quan trọng, quan trọng là có để dùng thôi.

*Ngồi chiếu lác tựa giường song,
cũng chẳng quản giát ken thưa thếch.*

Ngồi chiếu lác, ngồi hoặc nằm chiếu lác thì chúng ta có rồi. *Tựa giường song*, song là một loại cây cùng họ với cây mây ở trong rừng, nên có thể nói giường mây. *Cũng chẳng quản giát ken thưa thếch.* Giát là đan, ken là chèn vào, thưa hay dày cũng không quan trọng.

*Chơi rừng Nho len lỏi suốt khe,
Dạo bể Thích luôn tuôn ngòi lạch.*

Thường người ta nói đi luôn tuôn tức là hiểm hóc nào cũng đi qua cả. Như vậy chơi ở đâu? Chơi trong rừng Nho. Dạo ở đâu? Dạo trong bể Thích. Nghĩa hai câu này nói cho rõ là hai môn học và tu mình đều phải thấu suốt. Khi xưa Nho như là học đời, còn Thích là học đạo. Đời đạo đều phải thông suốt, chỗ ngõ ngách nào cũng nắm vững cũng biết.

*Trà bát đức sẵn đà lưu loát,
chẳng phải lo củi nấu kỳ cầm;
Bánh tam thừa vốn đã chứa chan,
nào có nhọc bột đơm thì thịch.*

Muốn uống trà thì sẵn có trà bát đức. Tám công đức gọi là bát công đức thủy:

1. Trừng tịnh: lóng sạch.
2. Thanh lãnh: mát mẻ.

3. Cam mỹ: ngọt ngào.

4. Kinh nhuyến: nhẹ nhàng.

5. Nhuận trạch: thấm nhuần.

6. An hòa: an ổn hòa vui.

7. Trừ cơ khát: uống vào thì hết khát.

8. Trưởng dưỡng chư căn: uống vào thì các căn được tăng trưởng.

Bát công đức thủy xuất xứ từ kinh Di-đà, kinh Di-lặc Đại Thành Phật.

Trà bát đức sẵn đà lưu loát. Trà bát công đức thủy sẵn lưu loát, không thiếu thốn. *Chẳng phải lo củi nấu kỳ cầm.* Kỳ cầm là cộc cạch nghĩa là không cần phải lo bữa củi cộc cạch đem vào nấu chỉ cho cực, sẵn trà bát đức hãy lấy mà uống. Bát công đức thủy ở Cực lạc xa quá, ngay nơi đây sẵn nước lọc sạch trong cũng là bát đức rồi, không phải nấu trà chỉ cho cực.

Bánh tam thừa vốn đã chứa chan, nào có nhọc bột đầm thì thích. Tam thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa. Bánh tam thừa là bánh rất ngon, cần gì phải đầm bột, xay bột làm bánh chỉ cho cực. Như vậy uống trà bát đức, ăn bánh tam thừa thì không nhọc nhằn khổ cực. Đó là những món ăn ngon.

Quả bồ-đề ăn ngọt sốt, muôn kiếp hằng no;

Hoa ưu-bát ngửi thơm tho, ngàn đời chẳng dịch.

Muốn ăn trái cây thì có quả bồ-đề ngọt sốt. Ngọt như đường hay mật? Chắc là ngọt hơn tất cả. Muôn kiếp hằng no là no hoài. *Hoa ưu-bát ngửi thơm tho, ngàn đời chẳng dịch.* Hoa ưu-bát là hoa sen xanh ở Ấn Độ, đó là loại hoa thơm hơn tất cả. Vậy ăn thì có quả bồ-đề, ngửi thì có hoa ưu-bát.

Sang Tây phương bệ ngọc đứng chơi,

Về Đông độ tòa vàng ngồi trịch.

Muốn đi chơi thì qua Tây phương đứng trên bệ ngọc, muốn về Đông độ thì ngồi tòa vàng, nơi nào cũng sang trọng.

Bè từ bi thênh thênh rộng rãi, mặc sức chở người; Thuyền bát-nhã thăm thẳm bao la, dầu lòng độ khách.

Hai câu này rất khéo. Chiếc bè từ bi của người tu rất rộng chở bao nhiêu người cũng được. *Thuyền Bát-nhã thăm thẳm bao la*, bao nhiêu người cũng độ được. Như vậy chúng ta có bè từ bi, thuyền Bát-nhã để chở khách đưa người không còn thiếu cái gì. Thí dụ những Phật tử làm việc từ thiện có được một số tiền, mua vật dụng thực phẩm gói thành những gói quà giúp người nghèo đói. Nhưng nếu người đến xin nhiều hơn số quà dự định thì phải xử như thế nào? Số người không được quà sẽ bất bình mắng chửi, như vậy việc làm đó bị giới hạn. Còn như chúng tôi giảng pháp cho khoảng một trăm người nghe, nhưng giả sử có hai ba trăm người đến thì ai cũng nghe được, cũng hiểu được, càng đông càng tốt, bao nhiêu mình cũng sẵn sàng cho không thiếu. Như vậy mới thấy bè từ bi rộng thênh thang, thuyền Bát-nhã bao la thăm thẳm bao nhiêu người cũng chở hết, đó là ý nghĩa việc bố thí pháp, bố thí đạo đức rộng lớn, chứ không giới hạn như bố thí tiền của tài sản.

Sãi chưng nay

Khuyên đáng đại thừa,

Bảo loài tiểu chích.

May được gặp minh sư đạo đức, một phen liền biết,

nào hề chi chữ nghĩa tìm đòi;

Phúc lại thấy tri thức bạn lành, mấy chốc mà nên,

lọ là phải văn chương góc gác.

Đến đây ngài nói thẳng về thiền. *Sãi chưng nay* là tôi nay đây. *Khuyên đáng đại thừa, bảo loài tiểu chích.* Những người có tâm rộng lớn hay những bậc thầy lớn là hàng đại thừa, những ông đạo nhỏ là tiểu chích.

May được gặp minh sư đạo đức, một phen liền biết, nào hề chi chữ nghĩa tìm dò. Dầu cho kẻ lớn người nhỏ nếu gặp được minh sư đạo đức, một phen nghe, một phen được chỉ dạy liền thấu suốt cội gốc, đâu kẹt vào chữ nghĩa để tìm tòi cực khổ. Đây là ngài nhắc nhở tất cả người tu, từ những vị thượng tọa đến những chú tiểu nhỏ, khi gặp được minh sư thì chỉ cần nghe dạy một câu hay một bài là thấu hiểu được lý đạo, không kẹt trong chữ nghĩa tìm tòi.

Phúc lại thấy tri thức bạn lành, mấy chốc mà nên, lộ là phải văn chương góc gác. Có phúc lắm mới gặp được tri thức bạn lành tức là thiện tri thức, thì không bao lâu liền thấu hiểu được đạo, lộ là phải văn chương góc gác chỉ cho cực.

*Thích-ca Phật tổ năng kiến tánh,
ngồi Tuyết sơn khô khảnh gây gò;
Di-lặc Tiên Quang bởi vô tâm,
đi vân thủy đầy đà phục phịch.*

Những chữ này ngài dùng rất lạ. Ngài nói rằng đức Phật Thích-ca kiến tánh mà vẫn ngồi trên núi Tuyết. *Khô khảnh gây gò* tức là tu khổ hạnh thân thể gây gò. *Di-lặc Tiên Quang bởi vô tâm*, nghĩa là không cần nói kiến tánh mà được vô tâm rồi thì *đi vân thủy*, tức là ngao du nơi này nơi nọ, *đầy đà phục phịch* là mập mập đi nặng nề. Nhưng đây có lẽ ngài lầm, Di-lặc Tiên Quang không phải là đức Di-lặc thờ trong các chùa, mà là vị Phật thứ ba mươi trong năm mươi ba vị Phật. Đó là xuất xứ từ kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ-tát và kinh Quán Hư Không Tạng Bồ-tát. Phật Di-lặc Tiên Quang không mập mập bụng to. Hiện nay chúng ta nói Di-lặc, đó là một vị Bồ-tát hóa thân ở Trung Hoa làm Bồ Đai hòa thượng, vị này mới đầy đà phục phịch.

Ý ngài Chân Nguyên nói rằng đức Phật Thích-ca mong được ngộ đạo nên ở trên núi Tuyết tu khổ hạnh bao nhiêu năm cho đến thân thể gây gò, còn Bồ-tát Di-lặc không có tâm dính với cảnh nên vân du

đây kia mập mạp phục phịch, mà vẫn không có gì trở ngại với đạo lý của Bồ-tát.

Đức Huệ Năng bát nguyệt thung phường,

Tổ Đạt-ma cứu niên diện bích.

Thần Quang đoạn tý,

lúc còn mê mặt ngó đăm đăm;

Ca-diếp nhãn đồng,

thoát chốc ngộ miệng cười hếch hếch.

Đức Huệ Năng tức Lục tổ Huệ Năng, *bát nguyệt thung phường* là tổ Huệ Năng đi tu, tám tháng già gạo ở nhà bếp, tại chùa của Ngũ Tổ ở Hoàng Mai. *Tổ Đạt-ma cứu niên diện bích*, tổ Bồ-đề-đạt-ma đến chùa Thiếu Lâm, chín năm ngồi xây mặt vào vách. Đó là kể sơ qua hai vị tổ ở Trung Hoa, tổ thứ nhất là tổ Đạt-ma, ngồi xây mặt vào vách, tổ thứ sáu là tổ Huệ Năng, già gạo dưới bếp.

Thần Quang đoạn tý, lúc còn mê mặt ngó đăm đăm. Ngài Thần Quang tức Huệ Khả đứng ngoài tuyết suốt đêm mong tổ Đạt-ma cảm động dạy cho pháp giải thoát. Nhưng khi tổ Đạt-ma nhìn ra thấy ngài đứng như vậy liền chê: Người đến đây cầu cái gì mà dùng chút ít khổ hạnh như vậy? Huệ Khả thưa: Con đến đây nhờ Hòa thượng dạy cho pháp môn cam lồ. Tổ quả: Ngày xưa chư tổ, chư Bồ-tát quên thân vì cầu đạo, lấy thân làm giường chõng, chẻ xương làm viết mực... còn chưa có xứng, huống nữa là dùng chút khổ hạnh này. Nghe quả như vậy Huệ Khả vào nhà bếp mượn dao chặt cánh tay gọi là đoạn tý, ngài chặt tay để cầu đạo. Lúc còn mê là khi ấy ngài còn mê, mặt ngó đăm đăm là mặt ngài đăm đăm nhìn tổ Đạt-ma.

Ca-diếp nhãn đồng, thoát chốc ngộ miệng cười hếch hếch. Tức là khi Phật đưa cành hoa sen, mắt ngài Ca-diếp nhìn Phật, trong chớp mắt ngài liền ngộ nên miệng cười hếch hếch. Trong kinh khác nói miệng ngài mỉm cười (vi tiếu).

Dầu người quyết lòng học đạo,

hỏi cho hay sừng thỏ lông rùa;

Hoặc kẻ dốc chỉ chân tu,

xem cho biết đầu sò tai ếch.

Dầu người quyết lòng học đạo, hỏi cho hay sừng thỏ lông rùa. Hay là biết. Sừng thỏ lông rùa có không? Tại sao hỏi cho biết sừng thỏ lông rùa? Ý nói nếu chúng ta là người quyết tâm học đạo thì phải nhìn cho tường tận, hiểu cho thấu đáo những gì hư ảo như sừng thỏ lông rùa, chứ đừng lầm lẫn, đừng chấp nê mà không thấu suốt được đạo.

Hoặc kẻ dốc chỉ chân tu, xem cho biết đầu sò tai ếch. Đây nói đầu sò tai ếch, nhưng trong quyển Thiên Phổ nói *đầu cua tại ếch*, đầu cua tại ếch dễ gần gũi hơn vì cả hai đều ở trong đồng, còn sò ở dưới sông dưới biển. Thấy con cua bò, chúng ta nhận ra chỗ nào là cái đầu không? Đến lỗ tai con ếch có dễ thấy không? Chỉ cái lỗ có tí xú, cho nên phân biệt đầu đuôi con cua cũng như lỗ tai con ếch rất là khó. Như vậy người chân tu là phải xem xét tường tận, những cái khó phân biệt khó nhận ra như đầu cua tại ếch cũng phải phân biệt nhận ra cho được. Ngài dùng những danh từ bình dân nhưng mang ý nghĩa rất sâu sắc.

Tóm lại hai câu này nói nếu chúng ta quyết tâm học đạo thì phải hỏi cho ra, nhận cho tường tận cái giả cái thật, nếu là người chân tu thì những điều khó biết, những điểm vi tế mình chưa giản trạch được thì phải tìm cho ra, giản trạch cho được, như vậy việc tu mới đến nơi đến chốn.

Khuyên người ở đời đừng bắt chước sự đời,

trước ra không sau lại về không,

nữa luống công nghi tiếc khuâng khuâng;

Đây là ngài *khuyên người ở đời đừng bắt chước sự đời*. Tại sao? Vì sống trong đời là sống trong cảnh mê lầm, nhưng đừng bắt chước sự mê lầm mà phải tỉnh giác, vì *trước ra không sau lại về không*. Khi

sanh ra hoàn toàn không có gì, đến khi nhắm mắt cũng là hai tay không. Nếu giàu có đem theo vật này vật kia thì cũng là đồ chơi chứ không có nghĩa lý gì. Như vậy khi có mặt trên đời là không, khi nhắm mắt từ già cõi đời ra đi cũng là không, có gì đâu mà mê mà đắm. Mê đắm chỉ là kẻ mờ mịt mê muội thôi, cho nên *nữa luống công nghĩ tiếc khuâng khuâng*. Nữa là sau này, luống công là uổng công, khuâng khuâng thường dùng là bâng khuâng. Nếu mê đắm sự đời thì sau này uổng công, nghĩ tiếc buồn bã bâng khuâng.

*Bảo kẻ có chí phải theo đòi thánh chỉ,
nhân đà tỏ quả càng thêm tỏ,
rồi đắc ý cười riêng khích khách.*

Nếu những người có chí thì phải học đòi theo chí của những bậc thánh hiền, các ngài học tu thế nào phải ráng làm theo thế ấy. Như vậy *nhân đà tỏ* tức là nhân tốt rồi thì quả nhất định phải tốt. Khi nhân tốt đạt được quả tốt rồi đắc ý *cười riêng khích khách*, khi ấy cười khích khích một mình.

Tóm lại, bài này cho chúng ta thấy trước hết ngài Chân Nguyên diễn tả cảnh ở chùa từ khi bước vào đạo, vui sống trong đạo, đến hình ảnh ngôi chùa và sự tu hành như thế nào. Kế đó ngài khuyên chúng ta học đạo đừng chạy theo thế gian rồi kẹt trong cái ăn cái mặc và những trang sức bên ngoài, đừng đòi món này thức kia mà phải nhớ lấy đạo đức làm nền tảng. Khi tu lâu người lớn hay nhỏ, nếu gặp được thiện tri thức thì phải ráng tu cho được đạo, như thế mới xứng đáng cuộc đời tu. Ngài kể lại sự tích từ Phật Thích-ca đến chư tổ để nhân đó chúng ta nghiệm xét mà tu học. Lại có hai câu chúng ta nên chú ý:

*Dầu người quyết lòng học đạo,
hỏi cho hay sừng thỏ lông rùa;
Hoặc kẻ dốc chí chân tu,
xem cho biết đầu sò tai ếch.*

Những câu này là phải nhớ, không nên xem thường. Vào đạo rồi cứ lơ là qua ngày qua tháng, không tu đến nơi đến chốn, không hiểu biết tường tận thì uổng đi một đời tu. Tiếp đến ngài lại khuyên người đời phải thấy rõ là dù đang sống trong cảnh thế gian nhưng đừng bắt chước người thế gian, mà phải tỉnh giác biết rằng khi sanh ra là tay không và khi đi rồi cũng là tay không, có gì đâu mà cố làm cố giữ cho nhiều để sau phải hối tiếc. Vì thế người chân tu thật học có ý chí phải học theo ý chí của những bậc thánh, những vị cao đức tổ sư. Nếu nhân mình tốt thì quả sẽ tốt, rồi sau này được thành thới mình mỉm cười. Người ở đời đắm mê việc đời khi ra đi sẽ hối tiếc, còn người học đạo biết tu thì khi từ giã ra đi sẽ cười chứ không có gì buồn bã nuối tiếc. Đó là lời khích lệ của ngài cho tất cả người sau cố gắng tu.

KẾT THÚC

Học tác phẩm của ngài Chân Nguyên, trước tiên là quyển Thiên Tông Bản Hạnh, chúng ta thấy ngài đem hình ảnh các thiền sư đời Trần, những thiền sư này lại là những vị vua trong triều tu thiền theo đạo Phật một cách đặc lực, ngài lấy đó để nhắc nhở tất cả người sau phải noi gương tốt đẹp đó. Người thế gian có bệnh là khi ai khuyên ráng tập tu hành nghe kinh học đạo tọa thiền, thì trả lời tôi bận quá tu không được. Nhưng vào đời Trần, vua Trần Thái Tông bận nhiều hay ít? Vua Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông bận nhiều hay ít? Vừa lo việc trị nước, vừa chống ngoại xâm mà các ngài còn có ngày giờ học kinh điển, tu hành ngộ đạo, còn chúng ta có lý do gì để nói là bận, tu không được? Việc nhà nhiều lắm là lo cho năm mười người, còn lo cho cả nước lại không bận sao? Hơn nữa đây là lúc nước bị ngoại xâm, một mất một còn nên chính trong hoàn cảnh hiểm nguy khốn đốn mà các ngài vẫn làm tròn bổn phận với đời, lại tu hành đạt đạo, đó là tấm gương phi thường cho tất cả người xuất gia cũng như tại gia. Người cư sĩ tại gia học theo gương các ngài vì các ngài là cư sĩ, các ngài ở trong hoàn cảnh quá ngặt nghèo bức xúc mà vẫn tu được, thì mình có ở trong cảnh ngặt nghèo lắm không mà nói tu không được? Đó là một câu hỏi để nghiệm xem mình có hay, có xứng đáng không.

Còn người xuất gia sánh với các ngài thì thế nào? Các ngài là vua, là cư sĩ có đủ các thứ quyền rũ của thế gian nào vàng bạc của cải, nào sắc đẹp âm thanh... lại thêm bận rộn việc nước, việc giặc giã mà các ngài tu ngộ đạo. Người có đủ tất cả, ở trong cảnh nhàn mà không nhàn, trong cảnh rối rắm mà vẫn tự tại, đó mới là phi thường. Còn chúng ta ở trong cảnh không có gì làm cho nhàn thì tránh rất dễ. Ở trong cảnh không nhàn, trong cảnh thông dong mà không tự tại thì có hổ thẹn chăng? Hẳn là hổ thẹn rất nhiều! Đã thành thói không bận rộn, tài sắc danh lợi cũng không nhàn không dính, như vậy là con người quá rảnh rang, quá tự tại. Thế mà có ai dám nói “tôi

tự tại” không? Chưa dám, nghĩa là tuy thanh thoi mà chưa tự tại. Tại sao? Vì tâm còn chạy theo, dính mắc với bên ngoài, còn bị lôi cuốn chút ít nên không tự tại. Do đó học qua Thiên Tông Bản Hạnh, chúng ta cảm thấy hổ thẹn với người xưa. Chúng ta đủ phúc duyên để tu, vậy mà khó tu thì đó là điểm yếu dở của mình, nên chúng ta phải nỗ lực, phải cố gắng.

Đến bài Ngộ Đạo Nhân Duyên, ngài Chân Nguyên chỉ cho chúng ta thấy việc ngộ đạo không phải là chuyện khó, không phải tìm kiếm ở đâu mà chính ngay nơi đây chúng ta khéo nhận, khéo đi sâu vào thì liền thấy chứ không có xa, không có cách biệt. Phải thấy ngay nơi sáu căn của chúng ta, căn nào cũng hiển lộ cái chân thật, chứ không phải tìm kiếm ở nơi nào. Chúng ta ngộ rồi thì sẽ siêu thoát hơn tất cả thế gian, không gì bì được. Đó là giá trị của người tu ngộ đạo.

Sau cùng là bản Thiên Tịch Phú. Bản này nhắc chúng ta tiến thêm trên con đường tu, đừng bị nhiễm những gì không đáng nhiễm, nghĩa là vào đạo thì phải sống với đạo, phải quên thân vì đạo, đừng bận bịu lo lắng việc đời. Lại phải nhớ tu cho xứng đáng, thấu đáo đạo lý cho đến cội nguồn chứ không phải tu lơ là sơ sài mà gọi là chân tu. Như thế rõ là ý ngài khuyến khích chúng ta tu. Học tác phẩm ngài, biết ứng dụng thì sẽ được lợi ích lớn trên đường tu.